

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4891** /TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2022

V/v thực hiện Thông tư số
31/2022/TT-BTC ngày
08/06/2022

Kính gửi:

- Các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan;
- Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Ngày 08/06/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 31/2022/TT-BTC về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (Danh mục 2022) có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/12/2022. Thông tư này thay thế Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và Thông tư số 09/2019/TT-BTC ngày 15/02/2019 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục của Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 31/2022/TT-BTC tuân thủ hoàn toàn Danh mục HS phiên bản 2022 ở cấp độ 6 số và Danh mục AHTN phiên bản 2022 ở cấp độ 8 số.

Để triển khai thực hiện thống nhất Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện một số nội dung sau:

I. Về nội dung mới tại Thông tư:

Danh mục 2022 gồm 21 Phần, 97 Chương, 1.228 nhóm ở cấp độ 4 số, 4.084 phân nhóm ở cấp độ 6 số và được chi tiết thành 11.414 dòng hàng ở cấp độ 8 số (tăng 601 dòng hàng so với Danh mục 2017). Những thay đổi tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 31/2022/TT-BTC so với Danh mục Thông tư số 65/2017/TT-BTC và Thông tư số 09/2019/TT-BTC tập trung vào việc cập nhật những thay đổi về công nghệ, kỹ thuật, thương mại của một số nhóm hàng để phù hợp với tình hình thực tế, bao gồm các ngành hàng thủy sản (Chương 03), thực phẩm chế biến (Chương 16, 19, 21), thuốc lá (Chương 24), hóa chất (Chương 28, 29, 38), dược phẩm (Chương 30), máy móc thiết bị (Chương 84, 85), phương tiện vận tải (Chương 87), tác phẩm nghệ thuật (Chương 97)... *(Nội dung sửa đổi cụ thể được chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

1. Một số lưu ý về sửa đổi mã hàng:

Một số lưu ý về nội dung Danh mục ảnh hưởng đến việc phân loại các mặt hàng:

- Mặt hàng thuốc lá điện tử: Danh mục 2022 chi tiết thêm nhóm mới 24.04 là *Sản phẩm chứa lá thuốc lá, thuốc lá hoàn nguyên, nicotine, hoặc các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá hoặc các nguyên liệu thay thế nicotine, dùng để*

hút mà không cần đốt cháy; các sản phẩm khác chứa nicotine dùng để hấp thụ nicotine vào cơ thể con người. Ví dụ một số sản phẩm thuộc nhóm này: Sản phẩm dùng để hút mà không cần đốt cháy chứa nicotine dạng lỏng hoặc dạng gel dùng cho thuốc lá điện tử (mã số 2404.12.10), Kẹo ca su có nicotin (mã số 2404.91.10), Miếng dán nicotin (mã số 2404.92.10).

- Mặt hàng bộ test chẩn đoán: Theo Danh mục 2022 thì Chương 30 có bổ sung, sửa đổi Chú giải pháp lý 1(ij), 4(e) để chuyển các chất thử chẩn đoán từ nhóm 30.02 và chất thử nhóm máu từ nhóm 30.06 về nhóm 38.22. Vì vậy, các bộ test chẩn đoán (ví dụ, chẩn đoán virus Zika, sốt rét, test Covid...) tại Danh mục 2017 thuộc nhóm 38.22 hoặc 30.02 tùy thuộc thành phần, tuy nhiên, tại Danh mục 2022 được phân loại thuộc nhóm 38.22.

- Các mặt hàng HFCs: Để đảm bảo kiểm soát các chất theo Nghị định thư Montreal, Danh mục 2022 chi tiết thêm các dòng hàng mới cho các dẫn xuất flo hóa của hydrocarbon mạch hở (HFCs) tại nhóm 29.03. Đối với các sản phẩm hóa chất chứa HFCs, Danh mục 2022 bổ sung Chú giải 4 Phần VI và chuyển các sản phẩm hóa chất chứa HFCs từ phân nhóm 3824.7 tại phiên bản 2017 về nhóm mới 38.27 “*Các hỗn hợp chứa các dẫn xuất đã halogen hóa của metan, etan hoặc propan, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác*” tại phiên bản 2022.

- Mặt hàng Mô-đun màn hình dẹt: tại Danh mục 2017, mặt hàng Mô-đun màn hình dẹt được phân loại tại nhiều Chương, nhóm khác nhau theo công dụng. Danh mục 2022 đã bổ sung Chú giải pháp lý 7 Chương 85 và chuyển các mặt hàng Mô-đun màn hình dẹt về nhóm hàng mới 85.24 “*Mô-đun màn hình dẹt, có hoặc không tích hợp màn hình cảm ứng*” để đảm bảo việc thống nhất trong phân loại.

- Mặt hàng “Module LED”: tại Danh mục 2022, mặt hàng “Module LED” được chi tiết thêm tại phân nhóm 8539.51 và các bộ phận của “Module LED” được chi tiết tại 8539.90.30 để phù hợp với công nghệ hiện nay và tạo điều kiện thuận lợi khi áp dụng chính sách mặt hàng.

- Mặt hàng phế liệu và phế thải điện và điện tử: Danh mục 2022 đã chi tiết thêm nhóm hàng mới 85.49 “*Phế liệu và phế thải điện và điện tử*” để thuận lợi cho các nước trong việc kiểm soát và áp dụng các chính sách quản lý đặc thù.

- Mặt hàng máy in 3D: Danh mục 2022 bổ sung nhóm hàng mới 84.85 cho *Máy móc sử dụng công nghệ sản xuất bồi đắp* (công nghệ in 3D), phản ánh nhu cầu tăng trưởng và xu hướng ứng dụng công nghệ trên thế giới.

- Mặt hàng Phương tiện bay không người lái: Theo sự phát triển của công nghệ và mức độ trao đổi thương mại, Danh mục 2022 chi tiết thêm nhóm 88.06 cho *Phương tiện bay không người lái* với 11 dòng hàng mới theo công dụng thiết kế và trọng lượng cất cánh tối đa, và nhóm 88.07 chi tiết các bộ phận của phương tiện bay không người lái của nhóm 88.06.

2. Về hướng dẫn phân loại của Tổng cục Hải quan liên quan đến Danh mục 2022:

Trong thời gian qua, Tổng cục Hải quan đã có các công văn hướng dẫn phân loại một số mặt hàng theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC và Thông tư số 09/2018/TT-BTC. Để đảm bảo việc áp dụng mã số hàng hóa theo Thông tư

31/2022/TT-BTC từ 01/12/2022, Tổng cục Hải quan yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố khi thực hiện công văn hướng dẫn thì áp dụng các nội dung hướng dẫn áp mã số phù hợp với quy định tại Thông tư 31/2022/TT-BTC, ví dụ:

- Công văn số 3832/TCHQ-TXNK ngày 11/6/2019 về việc phân loại mặt hàng Nhựa Polyol Blend trộn lẫn HCFC, theo đó, hướng dẫn phân loại hai mặt hàng “*Polyol Blend Sanex RG 4000*” và “*Polyol Blend Sanex RG 3051*” vào phân nhóm 3402.90 hoặc 3824.7x. Căn cứ Thông tư 31/2022/TT-BTC thì các mặt hàng tại phân nhóm 3824.7x được chuyển về nhóm 38.27.

- Công văn số 3270/TCHQ-TXNK ngày 08/08/2022 về việc phân loại Module Led 3 màu cơ bản RGB, theo đó, hướng dẫn thực hiện phân loại kể từ ngày 01/12/2022 vào nhóm 85.24 “*Mô-đun màn hình đẹt, có hoặc không tích hợp màn hình cảm ứng*” căn cứ Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC.

- Công văn số 1472/TXNK-PL ngày 19/02/2019 về việc đường kính lõi của cáp điện nhiều lõi, theo đó hướng dẫn đối với loại dây cáp điện nhiều lõi (multicore), “*tiêu chí đường kính lõi (a core diameter) trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xác định theo đường kính của một lõi dây*” do mô tả hàng hóa của mặt hàng này tại nhóm 85.44 của Danh mục 2017 là “*có đường kính lõi*” (having a core diameter). Tuy nhiên, tại Danh mục 2022, mô tả của mặt hàng này được sửa đổi thành “*trong đó mỗi lõi có đường kính*” (of which each core having diameter) nên nội dung hướng dẫn tại công văn trên không còn phù hợp theo Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC.

3. Về tài liệu tham khảo trong quá trình phân loại hàng hóa theo Danh mục 2022:

Tổng cục Hải quan gửi kèm công văn này Chú giải chi tiết HS phiên bản 2022 (bản tiếng Anh) và Tuyển tập ý kiến WCO phiên bản 2022 (bản tiếng Anh và tiếng Pháp) để làm tài liệu tham khảo trong quá trình phân loại hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 31/2022/TT-BTC.

II. Tổ chức thực hiện:

Trong thời gian qua, Tổng cục Hải quan đã tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các nội dung mới của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC đến các Cục Hải quan tỉnh, thành phố tại 3 miền Bắc, Trung, Nam. Để đảm bảo việc tổ chức thực hiện hiệu quả, Tổng cục Hải quan yêu cầu các đơn vị triển khai các nhiệm vụ sau:

1. Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố:

- Kịp thời nắm bắt những thay đổi của Danh mục 2022 và tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Thông tư số 31/2022/TT-BTC đến các cán bộ, công chức và doanh nghiệp và báo cáo kết quả thực hiện về Tổng cục Hải quan (Cục Thuế XNK) trước ngày 31/12/2022.

- Hướng dẫn doanh nghiệp khai báo theo Danh mục 2022 kể từ thời điểm Thông tư 31/2022/TT-BTC có hiệu lực để tránh thiếu thông tin dẫn tới phân loại

sai, không chính xác; cán bộ hải quan thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra mô tả hàng hóa, mã số, mức thuế khai báo theo đúng quy định tại Quy trình 1921/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục Hải quan.

Trường hợp có vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, yêu cầu kịp thời phản ánh về Tổng cục Hải quan (qua Cục Thuế XNK) để được hướng dẫn xử lý.

2. Cục Giám sát quản lý:

Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế XNK, Cục Kiểm định Hải quan và các Bộ, ngành chuẩn hóa các Danh mục quản lý chuyên ngành theo Danh mục 2022.

3. Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan:

Cập nhật Danh mục 2022 vào các Hệ thống nghiệp vụ trước ngày 01/12/2022 để kịp thời triển khai Danh mục 2022 vào thời điểm Thông tư số 31/2022/TT-BTC có hiệu lực.

4. Cục Quản lý rủi ro:

Cập nhật các Danh mục quản lý rủi ro theo Danh mục 2022 vào các Hệ thống nghiệp vụ trước ngày 01/12/2022 để đảm bảo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 31/2022/TT-BTC.

5. Cục Kiểm định Hải quan:

- Phối hợp với Cục Giám sát quản lý, Cục Thuế XNK và các Bộ, ngành chuẩn hóa các Danh mục quản lý chuyên ngành theo Danh mục 2022.

- Kịp thời nắm bắt những thay đổi của Danh mục 2022; kiểm soát việc ban hành các Thông báo giống như sau thời điểm Thông tư 31/2022/TT-BTC có hiệu lực khi sử dụng các Thông báo kết quả phân tích phân loại đối với các Tờ khai trước thời điểm ngày 01/12/2022.

6. Cục Thuế XNK:

- Tiếp tục tổ chức phổ biến, tuyên truyền nội dung Thông tư;
- Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Tài chính xây dựng các Nghị định biểu thuế;

- Đầu mỗi cung cấp Danh mục và các Nghị định Biểu thuế để Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan cập nhật vào các Hệ thống nghiệp vụ;

- Phối hợp với Cục Giám sát quản lý chuẩn hóa các Danh mục quản lý chuyên ngành.

- Tổng hợp kết quả thực hiện của các đơn vị và báo cáo Lãnh đạo Tổng cục kết quả thực hiện để có chỉ đạo kịp thời, thống nhất.

Tổng cục Hải quan thông báo để các đơn vị được biết và thực hiện./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- TCT. Nguyễn Văn Căn (để b/cáo);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để c/đạo);
- Lưu: VT, TXNK-PL-Đ.Thủy (3b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Tường



Phụ lục

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI TẠI DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VIỆT NAM BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ

31/2022/TT-BTC NGÀY 08/06/2022

(ban hành kèm theo công văn số 4891/TCHQ-TXNK

ngày 17/11/2022 của Tổng cục Hải quan)

Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam phiên bản 2022 (Danh mục 2022) cấu trúc lại một số nhóm hàng, phân nhóm hàng, chi tiết thêm một số dòng hàng mới so với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam phiên bản 2017 (Danh mục 2017). Những thay đổi này tuân thủ hoàn toàn Danh mục HS phiên bản 2022 của WCO và Danh mục AHTN phiên bản 2022 của ASEAN, phù hợp với sự phát triển công nghệ và trao đổi thương mại quốc tế, thực hiện các cam kết của các nước thành viên theo các công ước, hiệp ước nhằm bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh thế giới, kiểm soát hóa chất, vũ khí độc hại. Một số nội dung mới:

Phần I. Động vật sống; các sản phẩm từ động vật (Chương 1 đến Chương 5).

1. *Ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm, trứng và các sản phẩm ăn được gốc động vật* (Chương 1, 2, Chương 4 nhóm 04.07 đến 04.10):

Thay đổi lớn nhất là việc chi tiết thêm dòng hàng “Côn trùng” (mã số 0410.00.00) theo đề xuất của FAO cho các mặt hàng côn trùng có thể ăn được nhằm mục tiêu kiểm soát an toàn thực phẩm và thống nhất phân loại giữa các quốc gia thành viên WCO. Việc chi tiết thêm dòng hàng này giúp các nước giải quyết được các vướng mắc trong phân loại mặt hàng này so với phiên bản 2017.

2. *Ngành hàng sữa và sản phẩm sữa* (Chương 4 từ nhóm 04.01 đến 04.06):

Ngành hàng sữa và các sản phẩm từ sữa cũng không có biến động lớn. Tuy nhiên, chú giải pháp lý tại Chương 4 đã bổ sung thêm khái niệm về mặt hàng sữa chua (nhóm 04.03), tạo thuận lợi trong phân loại hàng hóa trong bối cảnh các mặt hàng sữa chua hoặc chứa thành phần sữa chua ngày càng đa dạng, dễ lẫn với các sản phẩm khác.

3. *Ngành hàng thủy sản* (Chương 3):

Danh mục 2022 có sửa đổi theo đề nghị của FAO để tăng cường giám sát an toàn thực phẩm toàn cầu. Cụ thể:

- Các mặt hàng “Bột mịn, bột thô và viên, thích hợp dùng làm thức ăn cho người” được gom lại thành một nhóm mới 03.09 để dễ kiểm soát, tạo thuận lợi cho phân loại và phản ánh xu hướng giao dịch thương mại quốc tế. Nhóm hàng

này được gom lại từ 9 dòng hàng của 4 nhóm khác nhau trong Chương 03 (nhóm 03.05, 03.06, 03.07, 03.08) và được chi tiết theo các chủng loại và cách bảo quản khác nhau. Việc hình thành nhóm mới 03.09 một mặt thuận lợi cho công tác thống kê, phân loại, kiểm soát chất lượng, mặt khác phù hợp với chính sách quản lý hiện hành.

- Một số thay đổi khác như: việc chuyển mặt hàng Cá nhụ Ấn Độ từ phân nhóm 0303.89.2 về phân nhóm 0303.89.1, việc chi tiết thêm các loài cá mú như *Plectropomus leopardus*, *Epinephelus fuscoguttatus*, *Cromileptes altivelis*... hay mặt hàng *Surimi* do xu hướng trao đổi thương mại.

Phần II. Các sản phẩm thực vật (Chương 6 đến 14).

Về cơ bản Phần này không có thay đổi, một số mặt hàng được chi tiết thêm nhằm tạo thuận lợi cho việc quản lý như các mặt hàng nấm (nấm hương, nấm cục truffles...), chuối (Cavendish, chuối hạt dẻ...), gạo (Malys, Basmati...).

Phần III. Chất béo và dầu có nguồn gốc từ động vật, thực vật hoặc vi sinh vật và các sản phẩm tách từ chúng; chất béo ăn được đã chế biến; các loại sáp động vật hoặc thực vật (Chương 15).

Thay đổi lớn nhất ở Phần này là việc bổ sung thêm phân nhóm mới 1515.60 và 1516.20 cho *Chất béo và dầu vi sinh vật và các phần phân đoạn của chúng*, để phản ánh xu hướng trao đổi thương mại gia tăng cho các sản phẩm này. Ngoài ra, cấu trúc nhóm 15.10 thay đổi do việc chi tiết thêm dòng hàng 1510.10 *Dầu ô liu pomace thô* để phản ánh mức độ thương mại tăng đáng kể và phù hợp với khái niệm tại tiêu chuẩn thương mại IOC (International Olive Council-Hội đồng Olive quốc tế) áp dụng cho dầu ô liu và dầu ô liu pomace.

Phần IV. Thực phẩm đã chế biến; đồ uống, rượu mạnh và giấm; thuốc lá và nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến; các sản phẩm chứa hoặc không chứa nicotin, dùng để hút mà không cần đốt cháy; các sản phẩm chứa nicotin khác dùng để nạp nicotin vào cơ thể con người (Chương 16 đến 24).

1. Ngành hàng thực phẩm chế biến (Chương 16, 19, 21):

Mặc dù mô tả của 4 dòng hàng gộp của nhóm 16.01 (1601.00.10 và 1601.00.90) và nhóm 16.02 (1602.10.10 và 1602.10.90) không thay đổi nhưng phạm vi các dòng hàng được mở rộng do chuyển một phần từ phân nhóm

07 ✓

2106.90.99 để bao gồm các chế phẩm từ côn trùng theo đề xuất của FAO nhằm mục tiêu kiểm soát an toàn thực phẩm và thống nhất phân loại.

2. Ngành hàng thuốc lá (Chương 24):

Ngành hàng này được chi tiết thêm một nhóm mới 24.04 là *Sản phẩm chứa lá thuốc lá, thuốc lá hoàn nguyên, nicotine, hoặc các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá hoặc các nguyên liệu thay thế nicotine, dùng để hút mà không cần đốt cháy; các sản phẩm khác chứa nicotine dùng để hấp thụ nicotine vào cơ thể con người*. Nhóm này bao gồm các mặt hàng được tách từ các mặt hàng của nhóm 38.24, 21.06 và 24.03. Việc chi tiết thêm nhóm hàng mới này giúp tăng cường kiểm soát mặt hàng thuốc lá điện tử và các sản phẩm chứa nguyên liệu thay thế lá thuốc lá hoặc nicotine. Đây là mặt hàng có nhiều quan điểm về việc sử dụng, mức độ ảnh hưởng và chính sách quản lý sử dụng trong thời gian qua. Cụ thể, Danh mục bổ sung thêm các dòng hàng là sản phẩm chứa lá thuốc lá hay chứa nicotin dùng để hút mà không cần đốt cháy, các sản phẩm là kẹo cao su chứa nicotin hay các miếng dán chứa nicotin dùng cho người cai thuốc lá.

Phần V. Khoáng sản (Chương 25 đến 27).

Ngành hàng muối: dòng hàng 2501.00.92 (có hàm lượng natri clorua từ 97% trở lên nhưng dưới 99,9%, tính theo hàm lượng khô) được sửa đổi gộp với 1 phần dòng hàng 2501.00.99 (Loại khác) để tạo thành dòng hàng mới 2501.00.93 “*Có hàm lượng natri clorua từ 97%, tính theo hàm lượng khô*”, tạo thuận lợi cho công tác quản lý mặt hàng.

Ngành hàng xăng dầu về cơ bản không có biến động lớn, Danh mục 2022 chi tiết thêm dòng hàng mới 2710.19.45 “*Dầu bôi trơn cho vật liệu dẹt*”.

Phần VI. Sản phẩm của ngành công nghiệp hoá chất hoặc các ngành công nghiệp liên quan (Chương 28 đến 38)

1. Ngành hàng hóa chất (Chương 28, 29):

Một số mặt hàng hóa chất được chi tiết thêm để phù hợp với các Nghị định thư và Công ước quốc tế, ví dụ như các dòng hàng để quản lý hàng hóa lưỡng dụng chứa chất phóng xạ và chất đồng vị tại phân nhóm 2844.4x, điều chỉnh cấu trúc nhóm 29.03; chi tiết thêm phân nhóm 2930.10 và sửa đổi các phân nhóm trong nhóm 29.31 và 29.33, chi tiết thêm mặt hàng trichlorfon (ISO) và carbofuran (ISO)...

2. Ngành hàng dược phẩm (Chương 30):

Để tạo thuận lợi cho việc kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng và phân loại các mặt hàng dễ lẫn, ngành hàng này có một số sửa đổi như sau:

+ Chương 30 có bổ sung, sửa đổi Chú giải pháp lý 1(ij), 4(e) để chuyển các chất thử chẩn đoán từ nhóm 30.02 và chất thử nhóm máu từ nhóm 30.06 về nhóm 38.22. Vì vậy, các bộ test chẩn đoán (ví dụ, chẩn đoán virus Zika, sốt rét, test Covid...) trước đây thuộc nhóm 38.22 hoặc 30.02 tùy thuộc thành phần thì tại Phiên bản 2022 được phân loại thuộc nhóm 38.22;

+ Phân nhóm 3002.19 bị xóa do không tồn tại sản phẩm trên thực tế;

+ Phân nhóm mới 3002.51 và 3002.59 chi tiết các sản phẩm *Tế bào nuôi cấy*. Phân nhóm mới 3006.93 chi tiết bộ thử nghiệm lâm sàng;

+ Nhóm 30.02 được sửa đổi để tạo thuận lợi cho việc kiểm soát một số hàng hóa lưỡng dụng. Ví dụ, các chất độc tố và các sản phẩm tương tự, các sản phẩm liệu pháp tế bào.

3. Ngành hàng các sản phẩm hóa chất khác (Chương 38):

3.1. Nhóm hàng thuốc trừ côn trùng, diệt cỏ, diệt nấm (nhóm 38.08):

Chú giải pháp lý phân nhóm 1 Chương 38 được sửa đổi nên dòng hàng 3808.92.19 “Loại khác” mở rộng phạm vi bao gồm thêm một số mặt hàng thuộc phân nhóm 3808.59.21.

3.2. Các nhóm hàng khác:

Nhóm hàng này có một số sửa đổi tại các nhóm 38.16, 38.22, 38.24 và nhóm mới 38.27 được chi tiết thêm, cụ thể:

Tại nhóm 38.16, Danh mục 2022 bổ sung chú giải loại trừ mới 2(e) của Chương 25 và sửa đổi của nhóm 25.18 (xóa phân nhóm 2518.30) để chuyển Hỗn hợp dolomite dạng nén về nhóm 38.16 để phân loại tất cả các vật liệu thô chịu lửa về cùng một nhóm.

Tại nhóm 38.22, Danh mục 2022 bổ sung, sửa đổi Chú giải pháp lý 1(ij) và 4(e) Chương 30, đồng thời, chi tiết thêm các phân nhóm mới 3822.11, 3822.12, 3822.19 cho các chất và các bộ thử chẩn đoán bệnh, được chuyển từ các phân nhóm 3002.11, 3002.13, 3002.14 và 3002.15, và chi tiết thêm phân nhóm 3822.13 cho chất thử nhóm máu chuyển từ phân nhóm 3006.20.

Tại nhóm 38.24, Danh mục 2022 bổ sung phân nhóm mới 3824.89 cho *Các sản phẩm chứa các paraffin đã clo hóa mạch ngắn*, và phân nhóm mới 3824.92 cho *Các este Polyglycol của axit methylphosphonic*; thu hẹp phạm vi phân nhóm 3824.99 để chuyển một số mặt hàng chứa nicotine về nhóm mới 24.04.

Tại nhóm mới 38.27, phiên bản HS 2022 bổ sung Chú giải pháp lý mới 4 của Phần XVI và nhóm mới 38.27 và xóa phân nhóm 3824.7 để chuyển các sản phẩm chứa hỗn hợp chứa các dẫn xuất đã halogen hóa của methane, ethane và propane về nhóm 38.27. Các sửa đổi này nhằm tạo điều kiện kiểm soát các chất theo sửa đổi của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ôzôn.

Phần VII. Plastic và các sản phẩm bằng plastic; cao su và các sản phẩm bằng cao su (Chương 39, 40).

1. Ngành hàng plastic và sản phẩm bằng plastic (Chương 39):

Về cơ bản ngành hàng thuộc Chương 39 Danh mục 2022 không có biến động lớn. Danh mục chi tiết thêm một số mặt hàng plastic như mặt hàng *Bis(polyoxyethylene) methylphosphonate* thuộc mã 3907.21.00, mặt hàng *Polybutylene succinate (PBS)* thuộc mã 3907.99.60, mặt hàng *Poly(1,3-phenylene methylphosphonate)* thuộc mã 3911.20.00... Ngoài ra, để đơn giản một số dòng hàng đã được gộp lại, ví dụ, 3916.90.40 “*Từ các protein đã được làm cứng*” được gộp từ 3916.90.41 và 3916.90.42.

2. Ngành cao su (Chương 40):

Nội dung sửa đổi chủ yếu thuộc nhóm 40.11 “*Lớp loại bơm hơi bằng cao su, chưa qua sử dụng*” và nhóm 40.12 “*Lớp bằng cao su loại bơm hơi đã qua sử dụng hoặc đắp lại; lớp đặc hoặc nửa đặc, hoa lớp và lót vành, bằng cao su*”. Tại Danh mục 2022, nhóm 40.11 được sửa đổi chi tiết thêm các dòng hàng theo kích thước và theo loại máy.

Phần VIII. Da sống, da thuộc, da lông và các sản phẩm từ da; yên cương và bộ đồ yên cương; hàng du lịch, túi xách tay và các loại đồ chứa tương tự; các mặt hàng từ ruột động vật (trừ ruột con tằm) (Chương 41 đến 43)

Một số dòng hàng được chi tiết thêm để phản ánh xu hướng thương mại như 4202.22.10 “*Mặt ngoài bằng tấm plastic*”, 4202.22.20 “*Mặt ngoài bằng vật liệu dệt*”, 4202.99.10 “*Mặt ngoài bằng sợi lưu hóa hoặc bìa*”.

Phần IX. Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ; lie và các sản phẩm bằng lie; các sản phẩm từ rơm, cỏ giấy hoặc các vật liệu tết bện khác; các sản phẩm bằng liễu gai và song mây (Chương 44 đến 46)

Nội dung sửa đổi đáng chú ý nhất là việc sửa đổi mô tả “*bất kỳ*” thành “*nhỏ nhất*” tại các phân nhóm của nhóm 44.03. Ngoài ra, một số dòng hàng tại nhóm 44.12 và 44.18 được chi tiết cho một số sản phẩm gỗ nhiệt đới và các sản phẩm gỗ kết cấu kỹ thuật được chi tiết cụ thể tại nhóm 44.18 như “*Gỗ ghép nhiều lớp bằng keo (glulam)* (phân nhóm 4418.81), *Gỗ ghép nhiều lớp xếp vuông góc (CLT hoặc X-lam)* (mã số 4418.82.00), *Dầm chữ I* (mã số 4418.83.00)...

Phần X. Bột giấy từ gỗ hoặc từ nguyên liệu xơ sợi xenlulo khác; giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa); giấy và bìa và các sản phẩm của chúng (Chương 47 đến 49)

Về thành phẩm giấy, có một số thay đổi, cụ thể: một số dòng hàng được chi tiết thêm như tại nhóm 48.02, 48.13, một số dòng gộp tại nhóm 48.02, 48.10. Ngoài ra, nhóm 49.05 có sự thay đổi cấu trúc do việc xóa dòng hàng 4905.10.00 “*Quả địa cầu*”.

Phần XI. Nguyên liệu dệt và các sản phẩm dệt (Chương 50 đến 63)

Nhóm 62.01 và 62.02 được sửa đổi cấu trúc chi tiết theo vật liệu. So với Danh mục 2017, Danh mục 2022 liệt kê các mặt hàng may mặc thuộc “các loại tương tự” tại hai nhóm này. Ngoài ra, các dòng hàng tại nhóm 62.10 được sửa đổi để phù hợp với việc sửa đổi cấu trúc tại nhóm 62.01 và 62.02.

Phần XII. Giày, dép, mũ và các vật đội đầu khác, ô, dù, ba toong, gậy tay cầm có thể chuyển thành ghế, roi, gậy điều khiển, roi điều khiển súc vật thồ kéo và các bộ phận của các loại hàng trên; lông vũ chế biến và các sản phẩm làm từ lông vũ chế biến; hoa nhân tạo; các sản phẩm làm từ tóc người (Chương 64 đến 67)

Một số mặt hàng được chi tiết thêm tại Chương 64, cụ thể: mặt hàng “*Loại có mũi giày được gắn bảo vệ không phải kim loại*” tại nhóm 64.02 và 64.03, mặt hàng “*Tấm lót giày*” tại nhóm 64.06...

Phần XIII. Sản phẩm bằng đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica hoặc các vật liệu tương tự; đồ gốm, sứ (ceramic); thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh (Chương 68 đến 70)

Tại nhóm 68.15 có sự thay đổi về cấu trúc nhóm và chi tiết thêm các mã hàng cụ thể cho các sản phẩm làm từ graphit hoặc carbon khác. Đồng thời, dòng hàng 6815.91.00 được sửa đổi mô tả “Có chứa magiezit, magiê oxit ở dạng periclase, dolomit.

Tại Chương 70, Chú giải pháp lý 1 (d), (e) được bổ sung để phân biệt các mặt hàng kính tại Chương này với mặt hàng kính dùng cho các phương tiện từ Chương 86 đến 88; ngoài ra, cấu trúc của nhóm 70.19 được sửa đổi và chi tiết các phân nhóm mới cho các loại sản phẩm từ xơ sợi thủy tinh và phương pháp sản xuất các mặt hàng đó.

Phần XIV. Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, kim loại được dát phủ kim loại quý, và các sản phẩm của chúng; đồ trang sức làm bằng chất liệu khác; tiền kim loại (Chương 71)

Nhóm 71.04 chi tiết thêm 2 dòng hàng cho mặt hàng “Kim cương tổng hợp” (Synthetic diamonds) để phân biệt với mặt hàng Kim cương tự nhiên tại nhóm 71.02.

Phần XV. Kim loại cơ bản và các sản phẩm bằng kim loại cơ bản (Chương 72 đến 83)

Phần này có một số thay đổi như chi tiết thêm một số mặt hàng mới (ví dụ, nhóm 73.04, 73.06, 73.11, 74.08, 81.06...), thay đổi cấu trúc một số phân nhóm (ví dụ, tại nhóm 74.19, 72.17...) để dễ phân loại. Ngoài ra, một số dòng hàng được sửa đổi mô tả như mã số 7604.21.10, 7604.21.20...

Phần XVI. Máy và các trang thiết bị cơ khí; thiết bị điện; các bộ phận của chúng; thiết bị ghi và tái tạo âm thanh, thiết bị ghi và tái tạo hình ảnh, âm thanh truyền hình và các bộ phận và phụ kiện của các thiết bị trên (Chương 84, 85)

Một số thay đổi tại Phần XVI gồm:

+ Bổ sung nhóm hàng mới 84.85 cho *Máy móc cho công nghệ sản xuất bồi đắp* (công nghệ in 3D).

+ Bổ sung phân nhóm mới 8414.70 cho *Tủ an toàn sinh học kín khí*, để kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng.

+ Bổ sung nhóm hàng mới 85.49 cho “*Phế liệu và phế thải điện và điện tử...*” để thuận lợi cho các nước trong việc kiểm soát và áp dụng các chính sách quản lý đặc thù.

+ Cấu trúc nhóm 84.62 cho mặt hàng *Máy công cụ* được sửa đổi để phù hợp với sự phát triển của công nghệ do các loại máy có nhiều chức năng tích hợp và mức độ giao dịch thương mại.

+ Nhóm 85.25 cho mặt hàng *Thiết bị phát dùng cho phát thanh sóng vô tuyến hoặc truyền hình...*) được sửa đổi để tạo thuận lợi cho kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng đối với các mặt hàng camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh.

+ Một số mặt hàng được chi tiết mới để cập nhật sự phát triển của công nghệ như mặt hàng *Thuốc lá điện tử và các thiết bị tương tự* tại dòng hàng 8543.40.00, mã hàng mới tại nhóm 85.25 cho mặt hàng *Thiết bị phát dùng cho phát thanh sóng vô tuyến hoặc truyền hình...*, nhóm mới 85.49 cho “*Phế liệu và phế thải điện và điện tử*”...

Phần XVII. Xe cộ, phương tiện bay, tàu thuyền và các thiết bị vận tải liên hợp (Chương 86 đến 89)

1. Ngành hàng ô tô, xe máy (Chương 87):

**Nhóm hàng Ô tô:*

- Xe kéo (nhóm 87.01): Mặt hàng “Ô tô đầu kéo dùng để kéo sơ mi rơ moóc: được cấu trúc lại theo loại động cơ “chỉ chạy xăng”, “chỉ chạy dầu”, loại “kết hợp động cơ chạy xăng với động cơ điện”, loại “kết hợp động cơ chạy dầu với động cơ điện”, loại “chỉ chạy điện” và “loại khác”.

- Xe có động cơ chở 10 người trở lên (nhóm 87.02) có 2 dòng hàng được chi tiết thêm *Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn* cho mặt hàng “*Xe chở từ 30 người trở lên, dạng CKD*”.

- Ô tô con, xe tang lễ, chở tù, xe cứu thương (dưới 9 chỗ) (Nhóm 87.03) có 4 dòng hàng được chi tiết thêm cho mặt hàng “*Xe ba bánh*”.

- Xe có động cơ dùng để chở hàng (nhóm 87.04):

Nhóm 87.04 *Xe có động cơ dùng để chở hàng* trước đây được cấu trúc theo 3 loại động cơ chạy xăng, chạy dầu, chạy điện, nay được cấu trúc lại theo 5 phân nhóm mới, cụ thể: loại động cơ “chỉ chạy xăng”, “chỉ chạy dầu”, loại “kết hợp động cơ chạy xăng với động cơ điện”, loại “kết hợp động cơ chạy dầu với động cơ điện”, loại “chỉ chạy điện” và loại khác.

* *Nhóm hàng xe máy* (nhóm 87.11) có 1 dòng hàng chi tiết thêm cho mặt hàng *Xe đạp, có động cơ điện phụ trợ không quá 250 W và tốc độ tối đa không quá 25 km/h*.

* *Bộ phận, phụ tùng ô tô, xe máy* (nhóm 87.08, 87.14): Cấu trúc phân nhóm 8708.22 được sửa đổi theo loại xe, phù hợp với cấu trúc chung.

2. *Các phương tiện vận tải khác* (tàu thuyền, phương tiện bay, vận tải liên hiệp) (Chương 86, 88, 89):

Nội dung sửa đổi đáng chú ý nhất của nhóm hàng này là việc chi tiết thêm một nhóm mới 88.06 cho Máy bay không người lái với 11 dòng hàng mới theo công dụng thiết kế và trọng lượng cất cánh tối đa, và nhóm 88.07 mới chi tiết cho bộ phận của máy bay không người lái của nhóm 88.06. Ngoài ra, nhóm 89.03 chi tiết thêm một số dòng hàng mới cho thuyền bơm hơi và cấu trúc lại thuyền buồm, thuyền máy phân loại theo kích thước.

Phần XVIII. Dụng cụ và thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, chính xác, y tế hoặc phẫu thuật; đồng hồ thời gian và đồng hồ cá nhân; nhạc cụ; các bộ phận và phụ kiện của chúng (Chương 90 đến 92)

Các sửa đổi của Phần này chủ yếu tại Chương 90 với một loạt các thay đổi, cụ thể, sửa đổi cấu trúc tại nhóm 90.06 cho các mặt hàng camera dùng film cuộn, mở rộng phạm vi của nhóm 9021.10 theo sửa đổi của Chú giải pháp lý 2(a) Phần XV để làm rõ việc phân loại các sản phẩm bằng kim loại cơ bản được thiết kế đặc biệt để chuyên dùng cấy ghép trong y tế, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y.

Phần XIX. Vũ khí và đạn; các bộ phận và phụ kiện của chúng (Chương 93)

Một số dòng hàng được chi tiết thêm như mặt hàng “Súng lục bắn pháo hiệu...” tại nhóm 93.03, mặt hàng “*Bom, lựu đạn, ngư lôi, mìn, tên lửa và các loại đạn được tương tự và bộ phận của chúng*” tại nhóm 93.06.

Phần XX. Các mặt hàng khác (Chương 94 đến 96)

Tại Chương 94, các thay đổi chủ yếu tại nhóm 94.05 chi tiết cho các sản phẩm đèn LED và tại nhóm 94.01 và 94.03 để bao gồm các loài gỗ. Ngoài ra, nhóm 9404.40 được chi tiết mới cho các mặt hàng “*Chăn quilt, chăn phủ giường*”

(bedspreads), chăn nhồi lông và chăn nhồi bông (comforters)”; Danh mục 2022 bổ sung thêm Chú giải pháp lý 4 Chương 94 giải thích cho mặt hàng mới được chi tiết thêm tại phân nhóm 9406.20 “Các khối mô-đun xây dựng, bằng thép”.

Tại Chương 95, cấu trúc nhóm 95.08 thay đổi để chi tiết thêm một số mặt hàng mới như “trò chơi di chuyển trong công viên giải trí”, “trò chơi công viên nước” và “trò chơi hội chợ”, đồng thời, Chú giải pháp lý 6 được bổ sung để giải thích cho các mặt hàng này.

Phần XXI. Các tác phẩm nghệ thuật, đồ sưu tầm và đồ cổ (Chương 97)

Các nhóm 97.01, 97.02, 97.03, 97.05 và 97.06 thuộc Chương 97 Phần này được cấu trúc lại để chi tiết thêm có các mặt hàng theo tiêu chí năm tuổi trên 100 năm hoặc trên 250 năm. Riêng nhóm 97.05, ngoài việc chi tiết theo tiêu chí năm tuổi, nhóm được chi tiết theo danh mục các loại vật phẩm văn hóa.